TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 73/TB-ĐHTDM-HĐTSĐH

Bình Dương, ngày 23 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO
XÉT TUYỂN SỚM VÀO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024
(Xét kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh)

1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

2. Đối tượng tuyển sinh: Người đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và có kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. HCM năm 2024

3. Chỉ tiêu: 5% của tổng chỉ tiêu

4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (Điểm sàn): Tổng điểm của bài thi ĐGNL cộng với điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ **500 điểm** trở lên.

5. Nguyên tắc xét tuyển: Điểm trúng tuyển được xét theo từng ngành, xét kết quả từ cao xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu. Điểm trúng tuyển là tổng điểm của thí sinh cộng với điểm ưu tiên (nếu có), điểm không nhân hệ số.

6. Số lượng nguyện vọng ĐKXT: Thí sinh được đăng ký không giới hạn số lượng nguyện vọng. Các nguyện vọng xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp, khi xét trúng tuyển chỉ trúng tuyển một nguyện vọng cao nhất.

7. Thời gian nhận hồ sơ và công bố kết quả:

+ Nhận hồ sơ từ ngày có thông báo đến **17h00 ngày 15/5/2024**

+ Công bố kết quả trúng tuyển**: 17h00 ngày 05/7/2024**

8. Cách nộp hồ sơ: Thí sinh truy cập vào tài khoản đã được Đại học Quốc gia TP.HCM cấp tại: https://thinangluc.vnuhcm.edu.vn để thực hiện đăng ký nguyện vọng.

Lưu ý: Thí sinh không cần nộp hồ sơ giấy (Phiếu ĐKXT) mà chỉ cần cập nhật hình Phiếu ĐKXT đã ký tên lên hệ thống. Thí sinh phải cập nhật phiếu ĐKXT lên hệ thống sau mỗi lần điều chỉnh.

9. Các ngành tuyển sinh đại học chính quy năm 2024

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Tổng Chỉ tiêu *(dự kiến)*	Đạt kiểm định
1	Du lịch	7810101	125	
2	Thiết kế đồ họa	7210403	100	
3	Truyền thông đa phương tiện	7320104	150	
4	Âm nhạc	7210405	25	
5	Luật	7380101	250	MOET
6	Quản lý Nhà nước	7310205	170	MOET
7	Quan hệ quốc tế	7310206	70	
8	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	60	MOET, UPM
9	Quản lý đất đai	7850103	70	MOET
10	Kỹ thuật Môi trường	7520320	40	

11	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	50	MOET, UPM
12	Kiến trúc	7580101	80	MOET
13	Quản trị Kinh doanh	7340101	250	AUN-QA, UPM
14	Marketing	7340115	70	
15	Kế toán	7340301	240	AUN-QA
16	Kiểm toán	7340302	50	
17	Thương mại điện tử	7340122	50	
18	Tài chính - Ngân hàng	7340201	230	AUN-QA
19	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	250	
20	Quản lý công nghiệp	7510601	100	MOET
21	Ngôn ngữ Anh	7220201	350	MOET
22	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	250	MOET
23	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	100	
24	Công tác Xã hội	7760101	50	MOET
25	Tâm lý học	7310401	60	
26	Toán học	7460101	40	
27	Giáo dục học	7140101	30	MOET
28	Công nghệ Thông tin	7480201	250	
29	Kỹ thuật Phần mềm	7480103	70	AUN-QA
30	Kỹ thuật Điện	7520201	80	AUN-QA
31	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	70	
32	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	50	
33	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	200	
34	Hóa học	7440112	50	AUN-QA[1]
35	Công nghệ thực phẩm	7540101	100	
36	Công nghệ Sinh học	7420201	50	

10. Lệ phí đăng ký xét tuyển: Theo quy định của Đại học Quốc gia TP.HCM

11. Thi năng khiếu:

- Ngành có môn thi năng khiếu: Âm nhạc (NK3: Hát, thẩm âm, tiết tấu)
- Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức thi năng khiếu ngày **03/07/2024**
- Hoặc thí sinh dự thi năng khiếu tại các Trường Đại học khác nộp bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận kết quả thi năng khiếu của Trường mà thí sinh đã dự thi năng khiếu phù hợp với môn năng khiếu của trường đại học Thủ Dầu Một **trước ngày 28/7/2024**

---

[1] **Đạt kiểm định**

- Chuẩn kiểm định AUN-QA: Chuẩn kiểm định của mạng lưới các trường đại học hàng đầu của khu vực Đông Nam Á

- Chuẩn kiểm định MOET: Chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Đạt chuẩn UPM: Hệ thống đánh giá UPM (University Performance Metrics) xếp sao chương trình đào tạo của các trường đại học.

12. Điểm ưu tiên: Điểm ưu tiên là mức điểm được cộng thêm vào tổng điểm thực tế của thí sinh khi tham gia xét tuyển. Có 2 loại điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT là điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng.

ĐIỂM ĐƯỢC CỘNG CHO PHƯƠNG THỨC	ĐIỂM KHU VỰC				ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG	
	KV1	KV2-NT	KV2	KV3	01 - 04	05 - 07
Xét điểm thi ĐGNL	30	20	10	0	80	40

Quy định của Bộ GD&ĐT về hưởng chính sách ưu tiên

- Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại mục 12 này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

- Thí sinh được hưởng chính sách **ưu tiên khu vực** theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp. *(thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 và năm 2023 mới được tính điểm ưu tiên khu vực, còn các năm khác không được tính)*

Công thức tính điểm ưu tiên khi thí sinh có tổng điểm như sau: Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt **tổng điểm từ 900 trở lên.** Được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(1200 – Tổng điểm đạt được)/300] × Mức điểm ưu tiên quy định tại mục 12.

13. Học phí năm học 2024 – 2025 (dự kiến)

Học phí thu theo tín chỉ, thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

(Đơn vị tính: đồng/tín chỉ)

Stt	Khối ngành	Năm học 2024 - 2025
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên*, Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật	705.000
2	Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Dịch vụ xã hội, Môi trường và Bảo vệ môi trường, Nghệ thuật.	675.000
3	Khoa học tự nhiên	760.000
4	Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và Chế biến, Kiến trúc và xây dựng	820.000

*** Đối với các ngành sư phạm:** Giáo dục tiểu học; Giáo dục Mầm non; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Ngữ văn học phí thực hiện theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

*** Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):** Thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo trường;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TTTS.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Ngô Hồng Điệp